

Tăng tỷ trọng

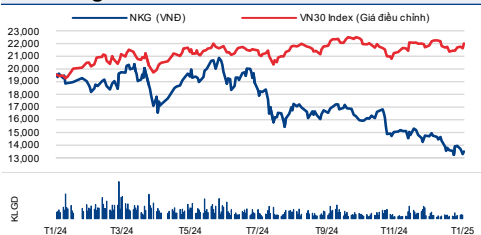
Giá mục tiêu: VNĐ17,528

Tiềm năng tăng/giảm: 29.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/1/2025)	13,500
Mã Bloomberg	NKG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	13,250-20,877
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	13,500
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	4,562
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	182
Slg CP lưu hành (tr.đv)	338
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	132
Slg CP NN được mua (tr.đv)	96.8
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	13.2%
Tỷ lệ freefloat	77.1%
Cổ đông lớn	Hồ Minh Quang (11.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	18,596	21,840	24,995
EBITDA đc (tỷ đồng)	749	1,205	1,433
LNTT (tỷ đồng)	177	673	910
LNT ĐC (tỷ đồng)	112	512	691
FCF (tỷ đồng)	138	(715)	1,118
EPS ĐC (đồng)	330	1,500	2,026
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	16,046	17,286	23,913
T.trưởng EBITDA (%)	58.9	61.0	18.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	194	355	35.1
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	4.03	5.52	5.74
Tỷ suất LNTT (%)	0.95	3.08	3.64
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.63	2.47	2.91
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	76.2	95.0	53.2
ROAE (%)	2.19	9.52	10.4
ROACE (%)	6.90	14.1	14.0
EV/doanh thu (lần)	0.46	0.46	0.35
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.4	8.33	6.12
P/E ĐC (lần)	40.9	9.00	6.66
P/B (lần)	0.84	0.78	0.56
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Tập đoàn Nam Kim là doanh nghiệp lớn thứ hai trong ngành tôn Việt Nam. 60-65% doanh thu đến từ các hoạt động xuất khẩu và thị trường xuất khẩu chính của NKG bao gồm các nước Đông Nam Á, Mỹ và Châu Âu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2024: KQKD bất ngờ kém tích cực; thấp hơn nhiều so với dự báo

- NKG công bố KQKD Q4/2024 kém tích cực, với lợi nhuận thuần 18 tỷ đồng (giảm 18% so với cùng kỳ và giảm 72% so với quý trước) trên doanh thu thuần 4.469 tỷ đồng (không đổi so với cùng kỳ nhưng giảm 14% so với quý trước).
- Mức tăng 4,6% so với cùng kỳ của sản lượng tiêu thụ đa phần bị bù trừ bởi mức giảm 4,2% của giá bán bình quân. Mức giảm 6,6% so với quý trước của sản lượng tiêu thụ và mức giảm 7,8% so với quý trước của giá bán bình quân dẫn đến KQKD đáng thất vọng.
- Kết quả trên cho thấy lợi nhuận thuần và doanh thu thuần năm 2024 dự kiến đạt lần lượt 453 tỷ đồng (tăng 286% so với cùng kỳ) và 20,7 nghìn tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ). Với kết quả trên, Công ty đã hoàn thành lần lượt 94% và 84% dự báo doanh thu và lợi nhuận của HSC.
- Do ghi nhận KQKD Q4/2024 kém tích cực, chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024

Chiều ngày 24/1/2025, NKG công bố KQKD kém tích cực, với lợi nhuận thuần Q4/2024 giảm mạnh 18% so với cùng kỳ và 72% so với quý trước xuống chỉ còn 18 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 4.469 tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ nhưng giảm 14% so với quý trước). Chi tiết như sau:

Sản lượng xuất khẩu kém dẫn đến doanh thu thuần thấp hơn dự báo

Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), NKG bán ra chỉ 232.320 tấn thép thành phẩm trong Q4/2024, tăng 4,6% so với cùng kỳ nhưng giảm 6,6% so với quý trước. Trong đó:

- Sản lượng xuất khẩu giảm mạnh 5% so với cùng kỳ và giảm 24% so với quý trước xuống chỉ còn 119.344 tấn thép thành phẩm trong Q4/2024. Mức giảm mạnh 39% so với cùng kỳ và 32% so với tháng trước trong tháng 12/2024 dẫn đến KQKD kém tích cực trong Q4/2024. Lưu ý, việc điều tra thuế chống bán phá giá đối với tôn mạ của Việt Nam tại thị trường Mỹ được tiến hành trong tháng 9/2024 là một trong những nguyên nhân dẫn đến sản lượng xuất khẩu giảm. HSC lưu ý rằng thị trường Mỹ đóng góp khoảng 20-25% sản lượng xuất khẩu của NKG.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, NKG

KQKD thấp hơn nhiều so với dự báo, do tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp

Tỷ đồng	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	Tăng trưởng	% hoàn thành
Doanh thu thuần	4,469	0.2%	-13.9%	20,609	10.8%	94.4%
Lợi nhuận gộp	301	10.1%	-33.4%	1,832	64.7%	
Lợi nhuận gộp cốt lõi	301	21.7%	-33.4%	1,832	102.2%	
TS lợi nhuận gộp cốt lõi	6.7%	+1.2 ppts	-2.0 ppts	8.9%	+2.9 ppts	
Lãi/lỗ tài chính ròng	(66)	-47.3%	-13.9%	(136)	-30.3%	
chi phí BH&QL	219	10.4%	-29.6%	1,138	53.9%	
LNTT	16	-48.5%	-81.0%	558	214.8%	
Lợi nhuận thuần	18	-18.0%	-71.6%	453	285.8%	84.1%
Lợi nhuận thuần cốt lõi	18	482.0%	-71.6%	453	Đảo chiều	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	0.4%	-0.1 ppts	-0.8 ppts	2.2%	+1.6 ppts	
Tỷ suất lợi nhuận thuần cốt lõi	0.4%	+0.3 ppts	-0.8 ppts	2.2%	+2.7 ppts	

Nguồn: NKG, HSC

- Sản lượng tiêu thụ trong nước cải thiện ở mức khá nhưng không thể bù trừ cho phần sụt giảm của doanh thu xuất khẩu. Theo đó, sản lượng tiêu thụ trong nước tăng mạnh 17% so với cùng kỳ và 23% so với quý trước lên 112.976 tấn.
- Tỷ trọng sản lượng xuất khẩu/tổng sản lượng tiêu thụ giảm xuống còn 51,4% trong Q4/2024, thấp hơn so với mức 56,5% trong Q4/2023 và 62,9% trong Q3/2024. Trong khi đó, tỷ trọng sản lượng tiêu thụ trong nước/tổng sản lượng tiêu thụ cải thiện lên 48,6% trong Q4/2024, cao hơn so với mức 43,5% trong Q4/2023 và 37,1% trong Q3/2024.

Về mặt giá bán bình quân, chúng tôi ước tính giá bán bình quân Q4/2024 giảm 4,2% so với cùng kỳ và 7,8% so với quý trước xuống 19,24 triệu đồng/tấn. Do đó, doanh thu thuần Q4/2024 đạt 4.469 tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ nhưng giảm 14% so với quý trước, dẫn đến doanh thu thuần năm 2024 đạt 20,6 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 11%. Với kết quả trên, NKG chỉ hoàn thành 94,4% dự báo doanh thu năm 2024 của chúng tôi.

Tỷ suất lợi nhuận giảm mạnh; đa phần do giá bán bình quân giảm mạnh

Lợi nhuận gộp Q4/2024 của NKG đạt 301 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ nhưng giảm 33% so với quý trước, cho thấy tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2024 là 6,7%, so với 5,5% trong Q4/2023 và 8,7% trong Q3/2024.

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng so với cùng kỳ nhờ chi phí đầu vào giảm trong khi việc giảm mạnh so với quý trước chủ yếu do:

- **Giá bán bình quân giảm mạnh 7,8%**
- **Hàng tồn kho tăng:** Tại thời điểm cuối năm 2024, giá trị hàng tồn kho của NKG đạt 6,7 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ, tương đương với 4,8 tháng sản xuất. Lượng hàng tồn kho lớn tạo ra áp lực đáng kể trong thời gian giá HRC giảm mạnh.

Ngoài ra, lỗ tài chính tăng lên 66 tỷ đồng trong Q4/2024, cao hơn mức lỗ 45 tỷ đồng và 58 tỷ đồng trong Q4/2023 và Q3/2024. Tại thời điểm cuối năm 2024, các khoản vay ngắn hạn tăng mạnh 32,4% so với cùng kỳ lên 6.312 tỷ đồng. Nhu cầu vốn lưu động tăng, cụ thể cho việc tích trữ hàng tồn kho dẫn đến dư nợ ngắn hạn tăng mạnh.

Chi phí bán hàng & quản lý được ghi nhận ở mức 219 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ nhưng giảm 30% so với quý trước do hoạt động xuất khẩu giảm. Kết quả là tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu ở mức 4,9% trong Q4/2024, so với 4,4% trong Q4/2023 và 6% trong Q3/2024.

Nhìn chung, lợi nhuận thuần giảm mạnh xuống chỉ còn 18 tỷ đồng, giảm 18% so với cùng kỳ và 72% so với quý trước. Kết quả khiêm tốn trong quý dẫn đến lợi nhuận thuần đáng thất vọng trong năm 2024 ở mức 453 tỷ đồng (mặc dù vẫn tăng 286% so với cùng kỳ) và thấp hơn 16% so với dự báo của chúng tôi.

Xem xét khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị đối với NKG.

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ Q4/2024, NKG

Sản lượng xuất khẩu tháng 12 giảm dẫn đến tổng sản lượng tiêu thụ Q4 giảm

Tân	T12/24	So với cùng kỳ	So với tháng trước	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	Tăng trưởng
Tôn mạ	51,395	-29.3%	-23.9%	198,021	6.3%	-8.3%	882,252	22.1%
Nội địa	22,872	-11.1%	-10.1%	78,677	29.3%	32.4%	261,657	24.1%
Xuất khẩu	28,523	-39.3%	-32.3%	119,344	-4.9%	-23.7%	620,595	21.3%
Ông thép	10,797	-12.3%	11.1%	34,299	-3.9%	4.8%	130,542	-5.2%
Nội địa	10,797	-12.3%	11.1%	34,299	-3.9%	4.8%	130,542	-5.2%
Xuất khẩu	0	n/a	n/a	0	n/a	n/a	0	n/a
Tổng sản lượng tiêu thụ	62,192	-26.9%	-19.5%	232,320	4.6%	-6.6%	1,012,794	17.7%
Nội địa	33,669	-11.5%	-4.2%	112,976	17.0%	22.6%	392,199	12.5%
Xuất khẩu	28,523	-39.3%	-32.3%	119,344	-4.9%	-23.7%	620,595	21.3%
Tỷ trọng trên doanh thu	100.0%			100.0%			100.0%	
Nội địa	54.1%			48.6%			38.7%	
Xuất khẩu	45.9%			51.4%			61.3%	

Nguồn: VSA, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	23,071	18,596	21,840	24,995	29,043
Lợi nhuận gộp	1,481	1,112	2,069	2,522	3,132
Chi phí BH&QL	(1,388)	(739)	(1,267)	(1,500)	(1,830)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	93.3	373	803	1,022	1,302
Lãi vay thuần	(200)	(196)	(130)	(120)	(133)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(0.07)	0.24	1.09	7.94	9.47
LN TT	(107)	177	673	910	1,179
Chi phí thuế TNDN	(17.8)	(59.9)	(135)	(182)	(236)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(125)	117	539	728	943
Lợi nhuận thuần ĐC	(118)	112	512	691	896
EBITDA ĐC	471	749	1,205	1,433	1,864
EPS (đồng)	(369)	347	1,579	2,133	2,764
EPS ĐC (đồng)	(350)	330	1,500	2,026	2,625
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	338	338	341	341	341
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	338	338	341	341	341
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	338	338	341	341	341

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	1,005	785	295	1,505	1,700
Đầu tư ngắn hạn	252	290	869	434	217
Phải thu khách hàng	1,517	1,927	2,337	2,649	3,050
Hàng tồn kho	7,000	5,719	6,327	6,517	7,255
Các tài sản ngắn hạn khác	641	605	764	875	1,017
Tổng tài sản ngắn hạn	10,415	9,325	10,592	11,980	13,238
TSCĐ hữu hình	2,484	2,301	2,469	3,995	5,450
TSCĐ vô hình	283	332	339	347	355
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	8.18	3.18	3.18	3.18	3.18
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	271	276	257	235	216
Tổng tài sản dài hạn	3,046	2,913	3,069	4,581	6,025
Tổng cộng tài sản	13,461	12,238	13,660	16,561	19,263
Nợ ngắn hạn	5,111	4,768	5,733	5,169	5,960
Phải trả người bán	2,544	1,631	1,582	2,247	2,591
Nợ ngắn hạn khác	179	178	192	208	228
Tổng nợ ngắn hạn	8,109	6,784	7,734	7,874	9,054
Nợ dài hạn	3.07	2.48	0	500	1,162
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	28.3	27.4	27.4	27.4	27.4
Nợ dài hạn khác	0.90	0.90	0.90	0.90	0.90
Tổng nợ dài hạn	32.2	30.8	28.3	528	1,190
Tổng nợ phải trả	8,141	6,815	7,762	8,402	10,244
Vốn chủ sở hữu	5,320	5,423	5,898	8,159	9,019
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	5,320	5,423	5,898	8,159	9,019
Tổng nợ phải trả và VCSH	13,461	12,238	13,660	16,561	19,263
BVPS (đ)	15,740	16,046	17,286	23,913	26,435
Nợ thuần/(tiền mặt)	4,109	3,985	5,439	4,164	5,422

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	93.3	373	803	1,022	1,302
Khấu hao	(378)	(376)	(403)	(412)	(562)
Lãi vay thuần	(200)	(196)	(130)	(120)	(133)
Thuế TNDN đã nộp	(276)	(7.38)	(135)	(182)	(236)
Thay đổi vốn lưu động	(1,132)	(346)	(1,437)	(261)	(1,288)
Khác	(153)	(419)	(286)	(112)	(124)
LCT thuần từ HKKD	(828)	269	(445)	1,192	569
Đầu tư TS dài hạn	(211)	(130)	(270)	(73.2)	(2,022)
Góp vốn & đầu tư	(63.8)	(30.5)	0	0	0
Thanh lý	308	15.0	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	32.9	(146)	(270)	(73.2)	(2,022)
Cổ tức trả cho CSH	(219)	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	10.0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,268	(309)	225	91.4	1,647
Khác	(9.22)	(33.8)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,049	(342)	225	91.4	1,647
Tiền & tương đương tiền đầu kì	751	1,005	785	295	1,505
LCT thuần trong kỳ	254	(220)	(491)	1,210	195
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.37)	(0.39)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,005	785	295	1,505	1,700
Dòng tiền tự do	(1,039)	138	(715)	1,118	(1,452)

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	6.42	5.98	9.47	10.1	10.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.04	4.03	5.52	5.74	6.42
Tỷ suất LNT (%)	(0.54)	0.63	2.47	2.91	3.25
Thuế TNDN hiện hành (%)	(16.6)	33.8	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(18.1)	(19.4)	17.4	14.4	16.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(84.9)	58.9	61.0	18.9	30.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(106)	194	359	35.1	29.6
Tăng trưởng EPS (%)	(105)	194	355	35.1	29.6
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(105)	194	355	35.1	29.6
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	(2.26)	2.19	9.52	10.4	11.0
ROACE (%)	1.67	6.90	14.1	14.0	13.8
Vòng quay tài sản (lần)	1.60	1.45	1.69	1.65	1.62
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	(8.88)	0.72	(0.55)	1.17	0.44
Số ngày tồn kho	118	119	117	106	102
Số ngày phải thu	25.6	40.2	43.1	43.0	43.0
Số ngày phải trả	43.0	34.1	29.2	36.5	36.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	82.1	76.2	95.0	53.2	62.3
Nợ/tài sản (%)	39.9	40.2	43.2	35.3	38.0
EBIT/lãi vay (lần)	0.47	1.90	6.16	8.51	9.79
Nợ/EBITDA (lần)	11.4	6.57	4.89	4.08	3.92
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.28	1.37	1.37	1.52	1.46
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.38	0.46	0.46	0.35	0.35
EV/EBITDA ĐC (lần)	18.4	11.4	8.33	6.12	5.38
P/E (lần)	N/a	38.9	8.55	6.33	4.88
P/E ĐC (lần)	N/a	40.9	9.00	6.66	5.14
P/B (lần)	0.86	0.84	0.78	0.56	0.51
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn